

# CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

## I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

#### a. Sự chuyển biến của CNTB và hậu quả của nó

- Cuối thế kỷ XIX, CNTB chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa với nhu cầu bức thiết về thị trường, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa. Vì thế, các nước đế quốc đã tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước và nhân dân các nước thuộc địa.

→ Chính sách thôn tính thuộc địa của các nước đế quốc đã đẩy đến mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ nhưng không giành được thắng lợi do chưa có đường lối lãnh đạo đúng đắn.

- Ngày 1/8/1914, chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, gây ra những hậu quả đau thương cho nhân dân các nước đế quốc, làm suy yếu lực lượng của CNTB và làm tăng thêm mâu thuẫn giữa các nước đế quốc.

- Ở Châu Á và Đông Nam Á, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi. Ví dụ ?

→ Tình hình trên đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của các nước thuộc địa nói chung và ở Việt Nam nói riêng phát triển mạnh mẽ.

#### b. Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Yêu cầu bức thiết cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân là phải có hệ thống lý luận khoa học làm vũ khí tư tưởng để chống lại CNTB. Trong bối cảnh đó, chủ nghĩa Mác đã ra đời và sau này, được Lênin phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tác động trực tiếp đến phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đưa đến sự ra đời của rất nhiều Đảng cộng sản ở các nước trên thế giới.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin đã có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức Cộng sản ở nước ta trong đó phải kể đến vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc.

#### c. CM Tháng Mười Nga (1917) và Quốc tế Cộng sản

+ Thắng lợi của cách mạng Tháng Mười đã đưa chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận trở thành hiện thực; đồng thời cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân ở các dân tộc thuộc địa, đưa đến sự ra đời của các Đảng cộng sản.

+ Cách mạng Tháng Mười Nga đã thức tỉnh nhân dân các nước Châu Á và toàn thể nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của mình.

+ Tháng 3 năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập:

- Đánh dấu giai đoạn mới của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế;

- Đồng thời có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và thành lập Đảng cộng sản ở Việt Nam.

■ **Kết luận:** Hoàn cảnh quốc tế và đặc điểm của thời đại trên đã tác động, ảnh hưởng tới quan điểm, lập trường của Nguyễn Ái Quốc trong việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

### 2. Hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

#### a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp

##### \* Chính sách cai trị thuộc địa của thực dân Pháp

Sau khi hoàn thành xâm lược nước ta (1884), thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy cai trị ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực.

- VỀ chính trị: thực dân Pháp tước bỏ quyền lực của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, lợi dụng bộ máy cai trị cũ để phục vụ cho việc áp bức nhân dân Việt Nam.

+ Chia Việt Nam thành 3 xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ ở mỗi kỳ thực hiện một chế độ chính trị riêng.

+ Tăng cường hợp tác với giai cấp địa chủ phong kiến, biến giai cấp này thành tay sai đắc lực cho chúng ta.

+ Dùng sức mạnh quân sự đàn áp dã man các phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

→ Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

- VỀ kinh tế: qua hai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và lần thứ hai (1919 - 1929), thực dân Pháp một mặt duy trì PTSX phong kiến, một mặt du nhập hạn chế PTSX TBCN vào Việt Nam.

→ Nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc vào tư bản Pháp và bị kìm hãm trong vòng lạc hậu, phát triển què quặt.  
- VỀ VĂN HÓA: thực hiện chính sách văn hóa giáo dục mang tính thực dân, duy trì các hủ tục lạc hậu, đầu độc nhân dân ta bằng thuốc phiện, rượu cồn..., hủy hoại các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta.

\* Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam

Dưới chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc về xã hội và giai cấp, ngoài các giai cấp cũ, xuất hiện thêm các giai cấp và tầng lớp xã hội mới.

- Giai cấp địa chủ Việt Nam:

+ Được Pháp duy trì làm cơ sở cho chế độ thuộc địa.

+ Giai cấp địa chủ cũng có sự phân hóa: một bộ phận có lòng yêu nước và căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp và tay sai.

- Giai cấp nông dân:

+ Chiếm khoảng 90% dân số và phải chịu hai tầng áp bức là thực dân và phong kiến.

+ Họ bị bóc lột cùng hóa và phân hóa làm ba tầng lớp: bần nông, trung nông và cố nông.

→ Tình cảnh khốn khổ và bần cùng của giai cấp nông dân Việt Nam đã làm tăng thêm lòng căm thù và ư chí cách mạng của họ trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, giành ruộng đất cho dân cày. Song do địa vị kinh tế, chính trị, xã hội quy định, giai cấp nông dân không thể tự giải phóng cho mình mà phải phải tập hợp dưới ngọn cờ cách mạng của giai cấp công nhân.

- Giai cấp công nhân Việt Nam:

+ Đa phần xuất thân từ giai cấp nông dân nên dễ dàng liên minh với giai cấp nông dân song trình độ nói chung còn thấp.

+ Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, là con đẻ của hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, chịu sự áp bức của cả thực dân, phong kiến.

+ Chịu sự ảnh hưởng của bối cảnh thời đại nên sớm được tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin.

→ Giai cấp công nhân Việt Nam sớm có sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức, tinh thần cách mạng triệt để trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc và giai cấp. Điều đó giúp giai cấp công nhân Việt Nam giành được địa vị là người lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Giai cấp tư sản Việt Nam: có nguồn gốc chủ yếu là các nhà buôn (trên 50%) và một phần từ các địa chủ (chủ yếu từ miền nam).

+ Thành phần: tư sản công nghiệp, tư sản nông nghiệp, tư sản thương nghiệp và có một bộ phận kiêm địa chủ.

+ Ngay từ khi ra đời đã bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa chèn ép nên không có thế lực về kinh tế và chính trị. Do vậy, họ không đủ khả năng để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Tầng lớp tiểu tư sản:

+ Thành phần: học sinh, trí thức, tiểu thương, thợ thủ công, viên chức, người làm nghề tự do...

+ Đời sống bấp bênh và thường xuyên thất nghiệp, một bộ phận trở thành vô sản. Do vậy, họ có lòng yêu nước và căm thù đế quốc, thực dân.

+ Chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào nên là một lực lượng có tinh thần cách mạng cao.

■ Kết luận:

- Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm xã hội Việt Nam chuyển biến về mọi mặt: đó là sự ra đời của hai giai cấp mới là giai cấp công nhân và giai cấp tư sản Việt Nam; làm tăng mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội Việt Nam giữa nông dân và địa chủ phong kiến; đồng thời làm nảy sinh thêm mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

- Xã hội Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ: đánh đuổi thực dân Pháp và xóa bỏ chế độ phong kiến đã lỗi thời. Trong đó, nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu.

**b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến

+ Phong trào Cần Vương (1885- 1896)

+ Khởi nghĩa Yên Thế (1884)

→ Các phong trào đấu tranh đều thất bại. Điều đó chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không còn phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam lúc đó.

- Đầu thế kỷ XX, các phong trào diễn ra theo khuynh hướng dân chủ tư sản và do các sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.

+ Một bộ phận đi theo khuynh hướng bạo động (đại biểu là Phan Bội Châu), chủ trương dùng bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp, cầu viện Nhật.

+ Một bộ phận theo xu hướng cải cách (Phan Châu Trinh): vận động cải cách văn hóa xã hội, động viên lòng yêu nước của nhân dân, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản với phương châm *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh* và cầu viện vào nước ngoài nhưng cũng thất bại.

+ Ngoài ra còn có các phong trào như: Đông kinh nghĩa thực (1907), đấu tranh trong các hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố...

### **Kết luận:**

- Các phong trào đấu tranh thời kỳ này diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nhằm giành độc lập cho dân tộc nhưng theo nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau và đều thất bại.

- Sự thất bại do nhiều nguyên nhân: hạn chế về giai cấp, về đường lối chính trị, hệ thống tổ chức, về năng lực tập hợp lực lượng trước yêu cầu của cuộc đấu tranh của dân tộc, phản ánh sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam lúc này.

- Các phong trào đã cổ vũ cho tinh thần yêu nước và đấu tranh kiên cường của nhân dân ta, tạo cơ sở cho việc tiếp thu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm cách mạng Hồ Chí Minh vào Việt Nam.

### **c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản**

■ *Nguyễn Ái Quốc đặt nền móng cho việc hình thành đường lối cách mạng Việt Nam*

Giai đoạn 5/6/1911- 30/12/1920: giai đoạn tìm đường cứu nước.

- Giai đoạn 1920 - 1930: chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản VN.

Các hoạt động cụ thể ?

■ *Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản*

- Từ năm 1919 - 1925, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã diễn ra rất sôi nổi dưới nhiều hình thức: bãi công, biểu tình, đình công. Các phong trào tiêu biểu ?

- Những năm 1926 - 1929: phong trào của công nhân đã có sự lãnh đạo của các tổ chức như Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Công hội đỏ. Nhiều cuộc bãi công diễn ra trong toàn quốc với quy mô lớn hơn và thời gian dài hơn.

- Ngoài ra, phong trào nông dân cũng diễn ra ở nhiều nơi và cùng liên minh với phong trào công nhân trong cuộc đấu tranh chống thực dân và phong kiến.

■ *Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam*

- Đông Dương cộng sản Đảng;

- An Nam Cộng sản Đảng;

- Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

→ Sự ra đời của 3 tổ chức Cộng sản ở nước ta trong vòng 4 tháng chứng tỏ xu thế thành lập Đảng cộng sản đã trở thành tất yếu ở Việt Nam. Các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam đều đi theo con đường cách mạng vô sản, đã kết hợp phong trào công nhân với phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân khác.

Nhưng các tổ chức cộng sản lại phân tán và có sự chia rẽ hoạt động. Nhiệm vụ trước mắt là phải nhanh chóng hợp nhất các ĐCS, thành lập một chính đảng thống nhất trong cả nước.

## **II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**

### **1. Hội nghị thành lập Đảng**

- Để khắc phục ngay sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập ngay một đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc triệu tập *Hội nghị hợp nhất Đảng* tại Cửu Long- Hương Cảng- Trung Quốc từ ngày 03/2/1930 đến 08/2/1930. đặt tên Đảng là Đảng cộng sản Việt Nam.

- Thành phần hội nghị: gồm một đại biểu của Quốc tế Cộng sản, hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, hai đại biểu của An Nam cộng sản Đảng.

- Hội nghị thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình vắn tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng cộng sản Việt Nam. Đó chính là *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng ta.

- Ngày 24- 2- 1930, theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban chấp hành TW lâm thời của Đảng đã họp và ra quyết định chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam.

→ Đó chính là sự phát triển về chất của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng Nguyễn Ái Quốc.

***Ý nghĩa của việc đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam ?***

## 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam

Cương lĩnh đầu tiên xác định rõ ràng và đúng đắn phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam:

- **Về tính chất:** cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

- **Nhiệm vụ** của cách mạng Việt Nam gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ:

+ Về chính trị: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; lập chính phủ công nông binh và xây dựng quân đội công nông. (Phản ánh đúng mâu thuẫn của dân tộc ta lúc đó).

+ Về kinh tế: thủ tiêu các thứ quốc trái, tiêu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản đế quốc giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu ruộng đất chia cho dân cày, mở mang công nghiệp, nông nghiệp...

+ Về văn hóa - xã hội: nhân dân được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền...

- **Về lực lượng cách mạng:** phải dựa trên cơ sở lợi ích và thái độ chính trị của từng giai cấp và tầng lớp trong xã hội, lấy đó làm cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân:

+ Thu phục đại bộ phận dân cày, dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh đổ đại địa chủ và phong kiến.

+ Phải thu hút được các giai cấp khác vào phe vô sản giai cấp như: tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên...

+ Phải lợi dụng và làm trung lập bộ phận trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam.

- **Về lãnh đạo cách mạng:**

+ Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng phải thu phục được đông đảo bộ phận giai cấp mình và phải làm cho công nhân có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng.

+ Không nhượng bộ quyền lợi giai cấp cho giai cấp khác mà phải thông qua con đường thỏa hiệp để liên kết.

+ Đề cao việc tập hợp và giác ngộ cho nhân dân đi theo cách mạng.

- **Về quan hệ với phong trào cách mạng thế giới:**

+ Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

+ Phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp trên con đường hoạt động của mình.

## 3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam; phản ánh sự thống nhất về tư tưởng, chính trị, hành động của phong trào cách mạng cả nước hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp; khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam

- Đảng ra đời cũng khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh trong việc vận dụng, bổ sung và phát triển học thuyết Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng nước ta, đưa đến sự ra đời tất yếu của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã giải quyết được vấn đề khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng và mở ra con đường mới cho cách mạng Việt Nam.

Từ đây, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để lần lượt giành được các thắng lợi vẻ vang trên con đường cách mạng của mình.

## CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

### I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

#### 1. Những năm 1930 – 1935 (SV tự nghiên cứu)

##### a. Luận cương chính trị tháng 10 – 1930

- Hội nghị lần thứ nhất BCH TW Đảng.
  - Hội nghị diễn ra từ ngày 14 đến ngày 31- 10- 1930 do Trần Phú chủ trì tại Hương Cảng- Trung Quốc. Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng cộng sản Đông Dương và thông qua Luận cương chính trị, đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng bí thư.
- Nội dung Luận cương:
  - Luận cương bàn đến những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hay cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.
  - Về mâu thuẫn giai cấp: nổi lên mâu thuẫn giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tỵ bản đế quốc.
  - Về phương hướng chiến lược cách mạng: làm tỵ sản dân quyền cách mạng có tính chất thổ địa và phản đế. Sau khi hoàn thành tỵ sản dân quyền cách mạng sẽ tiến thẳng lên con đường XHCN bỏ qua thời kỳ tỵ bản.
  - Nhiệm vụ của cách mạng tỵ sản dân quyền: đánh đổ phong kiến tiến hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Trong đó, vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tỵ sản dân quyền. (So sánh với Chính cương vắn tắt tháng 2/1930).
  - Về lực lượng cách mạng: phân tích thái độ chính trị của từng giai cấp để xác định lực lượng cho cách mạng.
    - + Giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng, vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng.
    - + Nông dân là lực lượng đông đảo nhất và cũng là động lực mạnh của cách mạng.
    - + Ngoài ra, phân tích thái độ chính trị của các lực lượng khác: tỵ sản thương nghiệp; tư sản công nghiệp; bộ phận thủ công nghiệp; tiểu tư sản thương gia; tiểu tư sản trí thức...
  - Về phương pháp khác: tập trung theo con đường võ trang bạo động để giành chính quyền, đó là một nghệ thuật và phải theo khuôn phép nhà binh.
  - Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới và phải đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới.
  - Về lãnh đạo: vai trò lãnh đạo của ĐCS dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và đại diện quyền lợi cho giai cấp vô sản là điều cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng.
    - Đánh giá Luận cương:
      - + Mặt tích cực?
      - + Mặt hạn chế?

#### So sánh Luận cương và Chính cương 2/1930?

##### b. Phong trào cách mạng 1930-1935

- Hoàn cảnh lịch sử
- Thế giới:
  - + Chủ nghĩa đế quốc lâm vào khủng hoảng trầm trọng những năm 1929- 1933. Thực dân Pháp không nằm ngoài số đó và đã chút gắng nặng lên các dân tộc thuộc địa ở Đông Dương. Mâu thuẫn dân tộc ở các nước Đông Dương càng trở nên gay gắt hơn.
  - + CNXH trên thế giới cũng đã được khẳng định, trở thành một thế lực đối kháng với CNTB.
  - + Hoạt động của QTCS có ảnh hưởng tích cực đến phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa. Đặc biệt, năm 1931, QTCS đã công nhận ĐDCSĐ là một chi bộ độc lập và không còn hoạt động phụ thuộc vào Đảng cộng sản Pháp và Đảng cộng sản Trung Quốc.
- Trong nước:
  - + Chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng 1929- 1933 thông qua chính sách tăng cường võ vét và bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp. Tình hình càng làm tăng thêm mâu thuẫn của nhân dân ta với thực dân Pháp.
  - + Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đã nhanh chóng phát triển cơ sở của mình ở nhiều nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ, đồn điền..., ở cả nông thôn và thành thị.
  - Sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đã làm dấy lên rất nhiều phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Ví dụ ?

- Đến tháng 5/1930, các phong trào phát triển lên thành cao trào.

Tiêu biểu có cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930- 1931) với mục đích: tập trung chống đế quốc, phong kiến giành độc lập cho dân tộc, giành quyền dân sinh dân chủ cho nhân dân, giành ruộng đất cho dân cày. Phong trào thất bại, song, đó là một kiểu chính quyền cách mạng đầu tiên ở nước ta.

### **Bài học rút ra từ cao trào?**

- Trước sự phát triển của cao trào, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, khủng bố hàng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam và tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Mặc dù bị địch khủng bố, nhưng một số phong trào vẫn nổ ra ở nhiều nơi, nhiều chi bộ Đảng được thành lập trong nhà tù và ở một số địa phương, hệ thống tổ chức Đảng dần được khôi phục.

→ Kết luận giai đoạn 1930- 1935:

- 1. Dấy lên một cao trào rất rộng lớn và để lại nhiều bài học về tổ chức; về xây dựng lực lượng cách mạng; về hình thành khối liên minh công – nông đầu tiên trong Đảng và rèn luyện Đảng; về sự kết hợp nhiều hình thức đấu tranh tạo sức mạnh tổng hợp.

- 2. Tổn thất tuy lớn nhưng đã được khôi phục nhất là về tổ chức cách mạng của quần chúng và phong trào quần chúng.

- 3. Rèn luyện nhận thức của quần chúng về kẻ thù, về mục tiêu, phương pháp đấu tranh và thúc đẩy phong trào quần chúng chuẩn bị cho một phong trào tiếp theo.

## **2. Những năm 1936 - 1939**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử**

- *Tình hình thế giới*

- Khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929- 1933 của CNTB đã dẫn tới sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít ở một số nước đế quốc là Đức, Ý, Nhật. Mục tiêu của chúng là thống trị độc tài ở khắp nơi và tiêu diệt Liên Xô, tiến công CNXH và phong trào hòa bình thế giới.

- Tháng 7- 1935, QTCS đã họp Đại hội VII tại Matxcova. Đại hội xác định:

+ Kẻ thù nguy hiểm nhất là chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh.

+ Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình.

→ Các Đảng Cộng sản và nhân dân các nước phải lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ hòa bình và cải thiện đời sống.

- *Tình hình trong nước*

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động sâu sắc đến đời sống của mọi giai tầng trong xã hội ta.

- Bọn cầm quyền phản động đã ra sức vơ vét, bóc lột và khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

- Tình hình đó làm cho mọi giai tầng trong xã hội đều căm thù bọn đế quốc thực dân Pháp và vùng lên đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình trong lúc hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng đang dần được khôi phục.

\* Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ thay cho thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là dân tộc và dân chủ trước đây. Đó chính là những yêu cầu trước mắt của nhân dân ta lúc đó.

- Kẻ thù của cách mạng: bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai.

- Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng: chống phát xít và chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai đòi quyền dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Thành lập Mặt trận nhân dân phản đế gồm mọi tầng lớp và đảng phái với nòng cốt là liên minh công nông.

- Đoàn kết quốc tế: đoàn kết với công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời ủng hộ Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp chống lại bọn phát xít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

- Hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: chuyển từ các hình thức bí mật bất hợp pháp sang tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để mở rộng quan hệ với quần chúng song vẫn giữ nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng.

- Nhận thức của Đảng về hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ

- Quan điểm mới của Đảng được nêu trong văn kiện “*Chung quanh vấn đề chiến sách mới*” (10/1936): nhiệm vụ của cuộc cách mạng tự dân quyền ở Đông Dương là không xê dịch, song chĩa phải là nhiệm vụ trực tiếp lập tức của mặt trận nhân dân phản đế ở Đông Dương.

- Nhiệm vụ trước mắt là chống chế độ thuộc địa dã man, kẻ thù lúc này là phản động thuộc địa và tay chân phát xít.

→ Kết luận: Trong giai đoạn 1936- 1939, chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể của cách mạng, giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, về liên minh giai cấp và tập hợp lực lượng..., đánh dấu bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng.

## II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 - 1945

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

#### a. Hoàn cảnh lịch sử

##### • Thế giới:

- Chiến tranh thế giới II bùng nổ và nhanh chóng lan ra hầu khắp châu Âu.

- Ngày 22- 6- 1940, Đức tấn công Liên Xô làm tính chất cuộc chiến tranh thay đổi từ chiến tranh đế quốc sang chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu với các lực lượng phát xít do Đức đứng đầu.

##### • Trong nước:

- Chịu ảnh hưởng của chiến tranh thế giới thứ II, Toàn quyền Đông Dương đã thi hành Chính sách thời chiến trắng trợn, đặt ĐCSĐD ngoài vòng pháp luật.

- Bộ máy chính quyền bị phát xít hóa, thực dân Pháp tăng cường vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh, thủ tiêu mọi thành quả mà chúng ta đạt được trong thời kỳ 1936- 1939.

→ Lúc này, mâu thuẫn của dân tộc ta với đế quốc, phát xít ngày càng trở nên gay gắt.

#### b. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

Căn cứ vào tình hình mới, BCH TW đã họp Hội nghị TW lần thứ 6 (11/1939), lần 7 (11/1940), lần 8 (5/1941), quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:

+ Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Vì mâu thuẫn cấp bách lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phát xít Pháp- Nhật.

+ Khẩu hiệu đấu tranh: thay khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian chia cho dân cày nghèo và chia lại ruộng đất công cho công bằng”.

+ Quyết định thành lập mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), đổi tên các Hội phần để thành Hội cứu quốc.

+ Nhiệm vụ trung tâm là xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. (Cần chuẩn bị lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ địa CM)

#### c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

- Đường lối đấu tranh cách mạng được các Hội nghị đya ra đã giải quyết được mục tiêu số một của cách mạng Việt Nam là dương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và tập hợp được rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất.

- Công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa diễn ra ở khắp nơi đã cổ vũ quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

### 2. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền

#### a. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần

##### • Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước

- Cuối năm 1945, Chiến tranh thế giới II bước vào giai đoạn cuối, quân Đức thua Liên Xô trên các chiến trường, Nhật và Pháp mâu thuẫn ngày càng sâu sắc.

- Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương. Ngay đêm đó, Ban thường vụ TW Đảng đã họp Hội nghị mở rộng tại Bắc Ninh.

- Đến 12- 3- 1945, Ban thường vụ ra chỉ thị “*Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

→ Phân tích nội dung *Chỉ thị*:

+ Chỉ thị nhận định cuộc đảo chính đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc nhýng điều kiện của khởi nghĩa chya chín muồi.

+ Xác định Nhật hiện đang là kẻ thù chính và duy nhất của nhân dân Đông Dương. Thay khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật bằng khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật.

+ Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa.

+ Phương châm đấu tranh là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng phần, mở rộng căn cứ địa.

+ Chỉ thị cũng dự báo tình hình và những điều kiện thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa của nhân dân ta.

##### • Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần và giành chính quyền bộ phận

- Từ tháng 3- 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi và phong phú cả về nội dung lẫn hình thức. Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần đã diễn ra ở nhiều nơi.

- Trước tình hình đó, Ban thường vụ quyết định phát triển chiến tranh du kích và căn cứ địa để chuẩn bị tổng khởi nghĩa cho kịp thời, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.
- Các cuộc khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi trong cả nước, một số nơi chính quyền nhân dân đã hình thành, khu giải phóng Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà được thành lập.
- Cũng lúc đó, nạn đói đang diễn ra ở Bắc và Bắc Trung Bộ. Đảng đã ra khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” để đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân, động viên được hàng triệu quần chúng xung phong ra mặt trận.

### **b. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa**

- Giữa năm 1945 chiến tranh thế giới II bước vào giai đoạn cuối. Ngày 9-5-1945, Phát xít Đức đã đầu hàng không điều kiện; ở châu Á, quân Nhật cũng đang đi gần đến thất bại.
- Từ 13- 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã diễn ra ở Tân Trào. (Nội dung Hội nghị?)
- Đêm 13- 8- 1945, Ủy ban toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa.
- Ngày 16- 8- 1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam và tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa.
- Ngày 19- 8- 1945, quần chúng Thủ đô đã diễu hành mít tinh, biểu tình, tuần hành rầm rộ, áp đảo quân thù và giành chính quyền về tay nhân dân, làm chính quyền địch ở nhiều nơi bị tê liệt và cổ vũ nhân dân ở các tỉnh thành nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.
- Ngày 23- 8- 1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.
- Ngày 25- 8- 1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.
- Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào và toàn thế giới sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ công hòa.

### **c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám**

- Kết quả và ý nghĩa ?
- Nguyên nhân thắng lợi ?
- Bài học kinh nghiệm ?

## **CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)**

### **I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1946)**

#### **1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 -1946)**

##### **a. Tình hình nước ta sau Cách mạng Tháng Tám**

\* *Thuận lợi:*

- Trên thế giới: Cách mạng bước vào thời kì thành công
  - + Phong trào XHCN do Liên Xô đứng đầu
  - + Phong trào giải phóng dân tộc ở các lục địa Á, Phi, Mỹ Latinh
  - + Phong trào hoà bình dân chủ ở các nước tư bản
- Trong nước:
  - + Chính quyền về tay nhân dân
  - + Nhân dân tin theo và ủng hộ cách mạng

\* *Khó khăn:*

- Về ngoại giao: + Chưa nước nào công nhận nền độc lập.
  - + Các nước đế quốc với danh nghĩa quân Đồng Minh ồ ạt tiến vào nước ta giải giáp quân Nhật (giặc ngoại xâm).
- Về kinh tế: (giặc đói) phải gánh chịu hậu quả của chế độ cũ để lại (nạn đói, ruộng đất bị bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, ngân quỹ quốc gia khó khăn...)



- Văn hóa: (giặc đốt) ta phải đối mặt với giặc đốt và các tệ nạn, hủ tục của xã hội cũ để lại.  
-> *Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc.*

## **b. Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng**

### **\* Chỉ thị kháng chiến kiến quốc (25/ 11/ 1945)**

- Kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược
- Mục tiêu chiến lược: Dân tộc giải phóng, giữ vững độc lập dân tộc
- Khẩu hiệu đấu tranh: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết.
- Lực lượng cách mạng: Mở rộng mặt trận Việt Minh

### **\* Phương hướng, nhiệm vụ cho Cách mạng Việt Nam:**

- Củng cố chính quyền: xúc tiến bầu cử quốc hội, lập hiến pháp, tập hợp lực lượng cho cách mạng,
- Chống thực dân Pháp xâm lược. (Chú trọng vấn đề ngoại giao: nhân nhượng với Tưởng, hòa với Pháp...)

- Bài trừ nội phản: Việt quốc, Việt cách.
- Cải thiện đời sống nhân dân: khôi phục kinh tế, tài chính, xây dựng đời sống văn hóa mới...

-> *Chỉ thị đã giải quyết đúng đắn, kịp thời các vấn đề cơ bản của cách mạng VN*

## **c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm**

- Kết quả: Cuộc đấu tranh thời kỳ 1945-1946 đã bảo vệ được chính quyền cách mạng, làm thất bại âm mưu xâm lược của các thế lực thù địch, đưa cách mạng vượt qua thế *Ngàn cân treo sợi tóc*.

- Ý nghĩa: Bảo vệ được nền độc lập dân tộc, xây dựng nền móng cho chế độ DCCCH và chuẩn bị điều kiện cho cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc.

- Nguyên nhân thắng lợi: Sự đánh giá tình hình và chủ trương đúng đắn của Đảng.

- Bài học kinh nghiệm: về phát huy sức mạnh toàn dân, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch và tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

## **2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 - 1954)**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Ngày 20/11/1946, thực dân Pháp tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng và khiêu khích ở Hà Nội.
- Tháng 12/1946, chúng gửi tối hậu thư tuyên bố sẽ hành động và đòi kiểm soát thủ đô.
- Đêm 19/12/1946, Ban Thường vụ TW họp và đề ra mệnh lệnh kháng chiến.
- 20/ 12, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

### **\* Nội dung đường lối kháng chiến:**

- Mục đích kháng chiến: đánh phản động thuộc địa và thực dân Pháp giành thống nhất và độc lập dân tộc.

- Tính chất kháng chiến: dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- Nhiệm vụ kháng chiến: đoàn kết toàn dân, giành quyền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và củng cố chế độ mới.

- Phương châm kháng chiến: tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

### **\* Quá trình thực hiện đường lối:**

- Từ năm 1947 đến 1950 ta thực hiện giam chân địch trong các đô thị, củng cố vùng tự do và xây dựng hậu phương vững chắc, chặn đứng âm mưu dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp và thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước.

- Chiến thắng quan trọng nhất là Chiến dịch Biên giới 9/1950. Hồ Chí Minh đã trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo chiến dịch. Thắng lợi của chiến dịch đã giáng 1 một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch, giành lại quyền chủ động cho ta trên chiến trường.

- Từ năm 1951, phong trào cách mạng có nhiều thuận lợi cho ta, song Mĩ đã can thiệp vào Đông Dương, ta phải bổ sung đường lối tại Đại hội Đảng lần thứ II.

- Đại hội II họp vào 2/1951 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang, quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

### **\* Nội dung Cương lĩnh chính trị thông qua tại Đại hội II:**

- Tính chất xã hội Việt Nam: gồm ba tính chất là dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất thuộc địa.

- Đối tượng cách mạng: đế quốc xâm lược Pháp, Mỹ và phong kiến phản động.

- **Nhiệm vụ cách mạng:** đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành thống nhất và độc lập thực sự cho dân tộc, xóa bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.
- **Động lực của cách mạng:** công nhân, nông dân, tiểu tư sản trí thức, tiểu tư sản thành thị và tư sản dân tộc. Ngoài ra có cả địa chủ yêu nước và tiến bộ.
- **Đặc điểm của cách mạng:** là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng lao động VN lãnh đạo.
- **Cách mạng trải qua 3 giai đoạn:**
  - + Hoàn thành giải phóng dt;
  - + Xóa bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân;
  - + Xây dựng cơ sở cho CNXH.
- **Quan hệ quốc tế:** Việt Nam đứng về phe hòa bình dân chủ và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Đường lối của Đại hội tiếp tục được hoàn thiện tại các kỳ Hội nghị TW và được thực hiện trên thực tế trong giai đoạn 1951 - 1954

### 3. Đánh giá quá trình thực hiện đường lối

#### \* **Kết quả**

- Về xây dựng lực lượng: đã thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) để đoàn kết toàn dân
- Củng cố hậu phương: phát động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ban hành các sắc lệnh về thuế, thực hiện cải cách ruộng đất lần 1, thực hiện giảm tô...
- Tập trung xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển trào đấu tranh vùng sau lưng địch.
- Về quân sự: Sau chiến thắng Biên Giới, ta mở liên tiếp các chiến dịch Trung du (12/1050), Hà-Nam-Ninh (5/1951), Tây Bắc (10/1952), 4/1953 phối hợp với bộ đội Lào mở các chiến dịch Thượng Lào, Hạ Lào và tiến công ở Tây Nguyên... Ta đã tạo được thế chủ động trong tương quan so sánh với địch. Chiến thắng lớn nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ từ 13/3/1954 đến 7/5/1954. Ta đã đập tan tập đoàn cứ điểm, bắt sống tướng De Castries và toàn bộ Bộ tham mưu của địch.
- Về ngoại giao:
  - + Phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao. Ta đã gây được tiếng vang lớn cho nhân dân thế giới và thúc đẩy nhân dân Pháp đấu tranh đòi chính phủ phải thương lượng với chính phủ VN.

+ Ngày 08.5.1954, Hội nghị Giơnevơ khai mạc tại Thụy Sĩ.

+ Ngày 21.7.1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở VN được kí kết, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

#### \* **Ý nghĩa lịch sử:**

- Trong nước: đường lối kháng chiến của Đảng đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, giải phóng miền Bắc tiến lên xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc & PTrào hòa bình trên thế giới.

#### \* **Nguyên nhân thắng lợi:**

- Sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, đường lối kchiến đúng đắn, huy động được sức mạnh của toàn dân.
- Có lực lượng vũ trang mưu trí, dũng cảm.
- Có chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố và lớn mạnh.
- Có sự đoàn kết chặt chẽ ba nước Đông Dương, sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

#### \* **Bài học kinh nghiệm:**

- Xác định đúng đắn và quán triệt đường lối vào toàn dân.
- Kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.
- Vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương vững chắc.
- Quán triệt đường lối kháng chiến lâu dài, gian khổ; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao.
- Tăng cường công tác xây dựng Đảng.

## II. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 – 1975)

### 1. Giai đoạn 1954 – 1964